

PHƯƠNG PHÁP TU TỊNH ĐỘ TÔNG VÀ THIÊN TÔNG

Chùa Long Sơn – Nha Trang - 2002

Hôm nay đủ duyên ban Hoàng pháp mời chúng tôi về đây giảng pháp cho Tăng Ni, Phật tử nghe. Nhận thấy người Phật tử cần có niềm tin chân chánh đối với giáo pháp, đồng thời để cho giới Tăng Ni hiểu rõ những pháp môn Phật dạy nên tôi sẽ nói về Phương pháp tu Tịnh độ tông và Thiên tông.

Trong nhà Phật không có pháp chống đối với pháp nào, chỉ phương pháp thực hành khác nhau thôi. Hôm nay chúng ta sẽ đối chiếu giữa hai pháp môn Tịnh độ và Thiên tông, để nhận rõ những điểm dị đồng của hai pháp môn này.

Phật tử Việt Nam tu theo Phật tử thế kỷ thứ 3 đến thế kỷ thứ 19, đa số nặng về tu Thiên. Nhưng đến thế kỷ thứ 19, 20 lại nghiêng về Tịnh. Như vậy hai pháp này có gì giống nhau, có gì khác nhau? Chúng ta phân tích cho rõ, để không nghĩ tu Thiên đúng hay tu Tịnh độ đúng. Nếu hiểu lầm chúng ta dễ phí báng nhau, chống đối nhau. Đó là điều không tốt trong đạo.

Trước hết tôi nói về phương pháp tu Tịnh độ, cốt lõi nằm ở chỗ nào? Chúng ta ai cũng biết rõ phương pháp tu Tịnh độ là niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà. Niệm cho đến bao giờ nhất tâm bất loạn thì khi lâm chung Phật sẽ đón về Cực Lạc, hoặc thấy Phật hiện ở trước mắt. Phương pháp này rất dễ tu, chỉ dùng câu niệm Phật chí thành sẽ được kết quả. Vì vậy Phật dạy người tu pháp môn Tịnh độ phải đủ ba điều kiện: một là Tín, hai là Hạnh, ba là Nguyện.

Tín nghĩa là tin chắc rằng có cõi Cực Lạc cách thế gian mười muôn ức thế giới. Cõi này hiện có đức Phật A Di Đà đang thuyết pháp. Nếu người thành tâm niệm tới chỗ nhất tâm bất loạn thì Phật Di Đà sẽ đón về cõi Cực Lạc. Tin khẳng định như vậy niệm Phật mới có kết quả. Câu Nam-mô A Di Đà Phật đã hết sức là giản đơn, vậy mà sau này có nhiều người chế biến đơn giản hơn nữa. Chỉ niệm A Di Đà Phật là đủ. Đó là một sai lầm.

Tôi xin nêu ví dụ thế này, nếu tên cha của chúng ta là Nguyễn Văn A, có người nào đó kêu Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn A hoài, mình giận không? Kêu tên cha mình sao không giận được? Đức Phật hiệu A Di Đà, đó là tên của Ngài. Cứ niệm A Di Đà Phật hoài tức là kêu tên Ngài, như vậy có tội không? Đó là một nghi vấn đa số Phật tử khi bị hỏi đều lúng túng. Ở đây tôi sẽ giải thích cho quý vị hiểu rõ.

Tên Phật là A Di Đà Phật, tiếng Phạn là Amita Buddha. Chữ Nam-mô tiếng Phạn là Namo cũng

đọc là Nẳng mò, dịch nghĩa là cung kính hướng về. Namo Amita Buddha, nghĩa là thành tâm hướng về đức Phật A Di Đà. Nếu ta niệm Nam-mô A Di Đà Phật là cung kính hướng về đức Phật A Di Đà, như vậy có tội không? Như nói cung kính hướng về ông Nguyễn Văn A, thì người đó có giận ta không? Không. Đằng này Phật tử bỏ hai chữ cung kính, chỉ niệm A Di Đà Phật, khác nào kêu tên Phật. Như thế vô tình làm giảm lòng cung kính của mình đối với đức Phật. Cho nên Phật tử đừng đơn giản hóa như vậy.

Xưa nay chúng ta quen nghe từ lục tự Di Đà, nghĩa là sáu chữ Di Đà. Nam mô là hai, A Di là bốn, Đà Phật là sáu. Hai chữ đầu là cung kính, bốn chữ sau là tên. Lúc nào chúng ta cũng thành tâm cung kính niệm Phật, nhờ vậy mới đi tới nhất tâm bất loạn. Nếu niệm để niệm thì việc niệm Phật không có ý nghĩa gì cả.

Thứ hai là Hạnh. Biết có cõi Cực Lạc, đức Phật A Di Đà đang giáo hoá ở đó, giờ đây chúng ta phải tha thiết thành tâm niệm danh hiệu Ngài để được nhất tâm bất loạn. Nhờ tâm tha thiết đó, niệm lâu sẽ được kết quả nhất tâm bất loạn. Trong kinh Di Đà có câu: “Hoặc một ngày, hai ngày, ba cho đến bảy ngày niệm danh hiệu Phật A Di Đà được nhất tâm bất loạn, khi lâm chung sẽ thấy đức Phật A Di Đà và Thánh chúng hiện ở trước”. Niệm Phật muốn cho kết quả tốt đẹp phải tha thiết, đi đứng nằm ngồi đều niệm Phật để cho tâm mình đừng nghĩ tưởng loạn động nữa. Như vậy mới đi tới chỗ nhất tâm bất loạn. Đó là phần Hạnh.

Thứ ba là Nguyện. Người tu niệm Phật lúc nào cũng nguyện được vãng sanh về cõi Cực Lạc, làm dân ở cõi Phật. Nguyện đó cần phải tha thiết thì công phu mới có kết quả như sở nguyện. Ba phần Tín, Hạnh, Nguyện là căn bản, cốt lõi trong sự tu của pháp Tịnh độ. Nếu thiếu một trong ba phần này, tu sẽ không kết quả.

Gần đây nhiều vị lại nói quá đơn giản rằng ai niệm Phật mười câu, khi nhắm mắt cũng được Phật đón về Cực Lạc. Gọi đó là đởi nghiệp vãng sanh, tức mang nghiệp về Cực Lạc tu tiếp. Đơn giản hóa khiến cho Phật tử sanh tâm lười biếng, tu sơ sơ thôi. Chừng nào gần chết niệm mười câu thì Phật đón về bên ấy. Tu lơ mơ kiểu đó Phật nào dám đón. Nói thế là vô tình làm cho Phật tử sanh tâm khinh lờn, lười biếng.

Kinh Di Đà không nói như vậy. Phật dạy chúng ta niệm Phật cho tới nhất tâm bất loạn, chừng đó Phật mới đón. Chúng ta tu đúng kết quả mới đúng, tu không đúng kết quả sẽ không đúng. Quý vị thử nghĩ người nóng giận, tham lam, còn nhiều tật xấu, chỉ cần gần chết niệm mười câu danh hiệu Phật là được đón về Cực Lạc, thật vô lý. Tại sao? Vì Cực

Lạc là tịnh độ, hoàn toàn trong sạch thì đâu có chứa những chúng sanh còn đầy dẫy tham, sân, si. Còn nghiệp xấu làm sao mang về bên đó được, ai dung mình? Cho nên tôi hay nói đùa, quý Phật tử còn sân nhiều mà về Cực Lạc, lỡ nổi sân cãi nhau, chừng đó Phật mất công đưa về bên này nữa. Vì làm ô uế cõi thanh tịnh thì phải trở lại chớ sao! Muốn sanh về cõi tịnh thì nghiệp cũng phải thanh tịnh. Nghiệp còn xấu xa như nhớp mà đòi về cõi tịnh thì quá đáng, khó chấp nhận được. Đó là một lẽ thực.

Phật tử hay có bệnh niệm Phật tính chuối. Bữa này được hai chuối, ba chuối. Ngày mai tính thêm bốn chuối. Tính rồi ghi vô sổ, tới tháng trình với thầy. Tính chuối để trình mà tâm chưa yên. Niệm Phật như vậy là chưa đúng cách, chưa được. Chúng ta niệm Phật đừng nghĩ tính chuối để trình thầy, làm sao đi đứng nằm ngồi cũng đều niệm Phật. Khi có việc cần nghĩ thì nghĩ, không có việc thì cứ nhớ niệm Phật luôn. Như vậy mới tới chỗ nhất tâm, đức Phật mới hiện ra lúc lâm chung. Nhiều vị cầm chuối niệm mà tính số hoài, nên cuối cùng không có kết quả gì.

Chúng ta tu phải thật tu, tu cho thành công. Chớ không phải tu cho thiên hạ thấy mình tu giỏi. Trọng tâm của niệm Phật là niệm đến nhất tâm bất loạn. Tại sao? Bởi vì tâm của chúng ta luôn loạn động, ít khi được yên hoàn toàn. Nếu có cũng một tí xíu thôi, rồi nghĩ chuyện khác. Hết nghĩ chuyện này tới nghĩ chuyện kia liên miên. Tâm chao đảo, xao xuyến đó là tâm tạo nghiệp với nào là thương ghét, buồn giận v.v... Hoặc nghiệp sanh lên các cõi lành, hoặc nghiệp đọa xuống các đường dữ.

Bây giờ muốn cho nghiệp lặng hết thì phải làm sao? Phải tin tưởng có đức Phật A Di Đà, tin tưởng có cõi Cực Lạc. Tin như vậy rồi chú tâm niệm Phật không nhớ gì hết. Lâu ngày chỉ còn câu niệm Phật, cuối cùng câu niệm Phật cũng lặng luôn. Đó là niệm tới nhất tâm. Nhất tâm là không còn niệm thứ hai nữa. Cuối cùng niệm Phật cũng phải buông, chừng đó mới thấy Phật.

Chủ đích của pháp môn này là dùng câu niệm Phật để dẹp trừ tâm loạn tưởng. Tâm loạn tưởng hết rồi gọi là niệm Phật nhất tâm, lúc đó trí tuệ sáng suốt hiện tiền. Cho nên niệm Phật tới nhất tâm là đi tới chỗ định, từ định phát sanh trí tuệ. Gốc của sự tu là đi tới thiền định và trí tuệ để được giải thoát. Cho nên biết nhất tâm của người tu niệm Phật gọi là Niệm Phật Tam-muội, cũng đồng nghĩa với chỗ định của người tu thiền.

Như thấy người đi ngoài đường, vừa đi vừa nói lầm nhảm một mình, chúng ta bảo kẻ đó điên. Người tỉnh táo sáng suốt có chuyện cần nói mới nói, không thì thôi. Còn cứ lầm nhảm một mình hoài,

không phải điên là gì? Cũng thế, chúng ta khá hơn một chút không nói ra miệng, nhưng nói thầm trong bụng. Cứ lầm thầm nói này nói kia hoài không yên, như vậy mình có điên không? Nên Phật gọi là vọng tưởng điên đảo. Điên đảo là nghĩ bậy, lộn xộn, không có thứ tự. Nhiều việc không cần nói mà cứ nói, không cần nghĩ mà cứ nghĩ. Đó là vì chúng ta không làm chủ được mình. Do đó phải mượn câu niệm Phật để quên các niệm lăng xăng, nhớ làm chủ. Đến lúc nào các thứ vọng tưởng điên đảo hoàn toàn lặng hết thì trí tuệ sáng ngời, là lúc thấy Phật. Đó là tôi nói về Tịnh độ.

Bây giờ nói về tu Thiền. Thiền tông tu như thế nào? Nói tới tu thiền là nói tới định. Trong ba môn vô lậu học Giới, Định, Tuệ; Định là thiền định, từ thiền định phát sanh trí tuệ. Cho nên Giới, Định, Tuệ còn được gọi là ba môn giải thoát. Trong Bát chánh đạo, từ Chánh kiến tới cuối cùng là Chánh định, Phật cũng dạy tu để được định. Tâm loạn tưởng hết gọi là định. Nói về pháp Lục độ cũng phải định rồi tuệ: bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, trí tuệ. Có thiền định mới có trí tuệ.

Người tu Phật phải biết rõ Phật là bậc giác ngộ sáng suốt, giác ngộ một cách viên mãn. Lâu nay chúng ta thường học: Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Tức là mình giác ngộ rồi, giúp cho người khác cũng được giác ngộ. Mình và người đều giác ngộ tròn đầy thì thành Phật. Nhưng giác ngộ từ đâu mà có? Từ tâm định mà có, chớ không phải ở ngoài đến. Lâu nay chúng ta không biết, cứ nghĩ tu để được phước đức nhiều, để Phật độ cho làm ăn phát tài, để gia đình không bị tai nạn v.v... Thật sự tu là phải dẹp bỏ tâm lăng xăng điên đảo của mình. Nó được lặng yên đi thì mới đi tới trí tuệ sáng suốt. Người tu thiền nhất là Thiền tông, tâm phải được định.

Lâu nay tôi vẫn thường nghĩ nước Việt Nam chúng ta được duyên lành gặp Phật pháp từ thế kỷ thứ III. Ngài Khương Tăng Hội dạy Lục Diệu Pháp Môn, là sáu phương pháp tu để cho tâm an định. Có khi Ngài cũng ứng dụng pháp Lục độ để tu. Như vậy từ thế kỷ thứ 3 Tổ tiên mình đã tu thiền. Tới thế kỷ thứ 6 có tổ Tỳ-na-đa-lưu-chi từ Trung Hoa sang dạy tu thiền. Thế kỷ thứ 9 có ngài Vô Ngôn Thông cũng từ Trung Hoa sang dạy tu thiền. Thế kỷ 17, 18 có các ngài Nguyên Thiều, Liễu Quán đều dạy tu thiền. Như vậy hệ thống tu thiền dài gần hai ngàn năm.

Có một lần đi Nhật, trên tàu tôi gặp hai, ba vị cũng qua Nhật. Tôi làm quen và hỏi: "Quý vị qua Nhật làm gì?" Họ nói: "Qua Nhật để học thiền". Sau này tôi được một Phật tử trình bày cho nghe, có vị sư Nhật lập một thiền đường ở Paris - Pháp. Đến kỳ nghỉ hè vị ấy đi thăm các nước Đông Nam Á. Lúc về sư kể lại Phật giáo các nước Tích Lan, Miến

Điện, Thái Lan v.v... cho những thiền sinh nghe.
Trong số ấy, có một Phật tử Việt Nam hỏi:

- Thưa thầy, thầy có sang Việt Nam không?

Sư đáp: Có.

Phật tử hỏi tiếp:

- Thưa thầy, thầy thấy Phật giáo Việt Nam thế nào?

Sư cười ha hả nói:

- Tạp nhạp.

Nghe vậy tôi rất buồn. Khi sang Nhật tôi thấy rõ có những tông phái: Nếu là Thiền thì thiền đường rất đàng hoàng. Nếu là Tịnh thì tu cũng rất đàng hoàng. Tu môn gì ra môn ấy. Về tới Việt Nam thật là chịu thua, không biết mình tu pháp gì, đủ thứ hết. Vì vậy người ta chê tạp nhạp.

Tại sao thiền được truyền vào Nhật Bản sau Việt Nam năm trăm năm, mà bây giờ người ta qua đó học. Còn Thiền tông đã có mặt ở Việt Nam lâu rồi là lâu, mà không ai thèm tới học với mình, ngược lại mình còn qua Nhật học nữa chứ. Có tui chưa! Đó là điều tôi thấy rất tui. Vì thế sau khi học xong chương trình trong đạo, tôi phát nguyện chuyên tâm nghiên cứu về thiền, nhất là thiền Việt Nam.

Lúc đầu tôi đọc sử ba mươi vị Tổ ở Ấn Độ, Trung Hoa. Đọc tới đọc lui muốn điên cái đầu mà vẫn không hiểu gì hết. Thấy như các Ngài nói đùa nói cợt chơi vậy, chứ không có lẽ thật. Nhất là đọc câu chuyện tổ Đạt Ma với ngài Huệ Khả. Ngài Huệ Khả hy sinh đứng ngoài tuyết suốt đêm tại Thiếu Lâm. Miền Bắc Trung Hoa bấy giờ tháng mười một, tuyết xuống ngập đầu gối, mà Ngài vẫn đứng thản nhiên để cầu đạo. Tổ Đạt-ma nhìn thấy hỏi: “Ông cầu gì mà khổ hạnh như vậy”. Ngài Huệ Khả thưa: “Con muốn cầu Ngài chỉ phương pháp tu để được giác ngộ”. Tổ quở: “Muốn cầu giác ngộ thành Phật phải nhiều đời nhiều kiếp hy sinh thân mạng mới được. Ông dùng chút khổ hạnh như vậy làm sao cầu được?”. Ngài Huệ Khả nghe thế, liền đi xuống bếp lấy dao chặt một cánh tay dăng lên nói: “Con xin dăng cái này để cầu pháp”. Tổ gạt đầu nói “Được” và đặt hiệu là Huệ Khả.

Câu chuyện này tôi dịch rồi mà vẫn bán tín bán nghi. Ngài Huệ Khả chặt cánh tay đem dâng Tổ, lúc đó có ra máu không, sao không nghe băng bó? Chẳng lẽ để máu me chảy dầm dề dâng cho Tổ? Tôi ngờ ngay chỗ đó. Hơn nữa, sau này không thấy sử ghi Ngài cụt một cánh tay. Đó là hai điều tôi ngờ. Do đó tôi nghĩ đây là các ngài muốn diễn tả tâm quyết liệt tu hành. Dù chết, dù bỏ thân mạng cũng

không tiếc, để người sau bắt chước. Sự thật ra sao thì không rõ.

Sau khi được Tổ nhận làm đệ tử rồi, một hôm Ngài bạch với Tổ: “Tâm con không an, xin Hòa thượng dạy con pháp an tâm”. Khi đó Tổ nhìn thẳng vào mặt ngài Huệ Khả bảo: “Đem tâm ra ta an cho”. Ngài sững sốt quay lại tìm tâm. Tìm một hồi không được, Ngài thưa: “Bạch Hòa thượng, con tìm tâm không được”. Tổ bảo: “Ta đã an tâm cho ngươi rồi”. Ngay đó Ngài biết đường vào.

Lúc trước chúng tôi đọc đi đọc lại nhiều lần, cứ ngỡ như Tổ đùa chơi vậy, không dạy gì cả. Nhưng sau một thời gian, có cơ hội nhập thất chuyên tu, đọc lại chỗ đó tôi sững sốt không ngờ Tổ chỉ một cách hết sức khéo léo, hết sức cụ thể, chứ không phải chuyện tưởng tượng. Thật là khéo léo làm sao!

Tâm không an là tâm nghĩ chuyện này, chuyện nọ. Có khi mình dặn nó nhớ Phật thôi đừng nhớ bậy, mà nó cứ nhớ bậy hoài. Hoặc bảo nó nhớ hơi thở, đừng nhớ bậy mà nó cứ nhớ chuyện này chuyện nọ, không an. Nhưng tổ Đạt-ma không dạy cách nào hết, mà bảo “Đem tâm ra ta an cho”. Bình thường nó lăng xăng lộn xộn, nhưng khi tìm lại nó ở đâu? Tìm lại thì mất tâm, mất dạng. Cho nên ngài Huệ Khả trình bày một cách thật thà “Con tìm tâm không được”. Tổ bảo “Ta đã an tâm cho ngươi rồi”.

An bằng cách nào? Đó là điều hết sức quan trọng mà người học Phật chúng ta không nắm được. Tổ Đạt-ma khi truyền thiền sang Trung Hoa, ngài có lập bốn câu châm ngôn:

Bất lập văn tự

Giáo ngoại biệt truyền

Trực chỉ nhân tâm

Kiến tánh thành Phật.

Lấy bốn câu đó làm tiêu chuẩn. Như vậy bảo “Đem tâm ra ta an cho”, câu đó trong kinh điển nào? Không có. Thế mà ngài Huệ Khả nhân đó ngộ được pháp tu. Nên nói bất lập văn tự.

Trong mười mục chấn trâu, mục thứ nhất là tìm trâu. Nhà thiền còn dùng từ “Phản quan tự kỷ”, tức là nhìn lại chính mình. Bởi vì lâu nay chúng ta mê lầm cho tâm lăng xăng lộn xộn là tâm mình thật. Vì thế bị nó dẫn dụ lôi kéo tạo nghiệp không cùng. Bây giờ ta nhìn thẳng mặt xem nó ở đâu thì nó mất. Như vậy cần gì mượn phương tiện, cứ nhìn thẳng xem tâm lăng xăng đó ở đâu, nó sẽ tự mất. Nhìn lại tâm lăng xăng của chính mình gọi là phản quan tự kỷ. Đó là lối tu không dùng lời giảng trong kinh,

cũng không dùng chữ nghĩa, chỉ nhìn lại mình là vọng tưởng tự lặng, tự yên.

Vì thế chúng tôi mới hướng dẫn Tăng Ni và Phật tử tu bằng cách, khi niệm dấy khởi mình nhìn lại biết nó hư vọng thì nó tự mất. Người tu Tịnh độ niệm Phật để dứt niệm bậy, dừng các thứ nghĩ khác. Còn người tu thiền nhìn thẳng vào những dấy niệm đó xem mặt mũi thế nào, thì nó tự mất. Cả hai pháp chủ yếu đều dẹp tâm lăng xăng. Vì tâm lăng xăng là tâm tạo nghiệp, tâm giả dối. Thấy rõ được bộ mặt thật của nó rồi, tự nhiên nó không còn, vì bản chất của nó vốn là hư vọng.

Chúng ta có hai thứ mê lầm: một là làm thân này thật, hai là làm tâm sanh diệt là tâm mình thật. Thân xác thịt này thật không? Ai cũng nói nó giả, nhưng thử thiên hạ đánh một bạt tay, lúc đó mới biết giả hay thật? Nhất định ăn thua tới cùng. Khi học kinh Phật nói giả ta cũng tin là giả, nhưng gặp việc thì thành thật hết.

Tất cả chúng ta đều nhiều lần chứng kiến những người thân của mình đang sống khỏe mạnh, bỗng nhiên ngã bệnh rồi chết. Khi còn sống, còn nói năng, làm việc ta cho là thật. Nhưng ngã bệnh tất thờ, lúc đó thật hay giả? Nếu thật thì còn, mà bây giờ không còn. Nên thấy người đi trước giả thì biết thân mình tuy còn hoạt động đây nhưng cũng là đồ giả. Thế nhưng chúng ta vẫn cứ mê lầm ngỡ nó là thật.

Từ mê lầm ngỡ thân này thật, đi tới mê lầm thứ hai là những nhu cầu nó đòi hỏi, ta cũng thấy thật luôn. Muốn ăn ngon phải chạy tìm món ăn ngon, muốn mặc đẹp phải chạy tìm mặc đẹp. Tất cả những gì nó muốn đều chạy theo nó hết. Suốt đời làm cho nó thỏa mãn, mà có bao giờ được thỏa mãn đâu. Như vậy không mê lầm là gì?

Vì muốn thỏa mãn vật chất nên con người không từ bỏ những việc làm xấu nào để đạt được mong muốn của mình. Từ đó sanh ra tranh đấu giành giật, rồi sát phạt nhau đủ thứ khổ đau. Bây giờ biết cuộc sống này giả tạm, bảy tám chục năm là cùng. Thì thôi sống vừa phải, giành giật nhau làm gì, cuối cùng có còn không? Mất hết. Trên thế gian bao nhiêu sự giết hại, cũng vì giành giật với nhau để thỏa mãn cho thân này. Đó là làm về thân.

Kế đến là làm về tâm. Những thứ nghĩ phải nghĩ quấy, nghĩ hơn nghĩ thua cho đó là tâm mình thật. Khi cho nó là tâm mình thật rồi, ta nghĩ thế này là đúng, người khác nghĩ thế khác, họ cũng cho là đúng. Hai cái đúng nghịch nhau gặp nhau sẽ tóe lửa, chớ không thể nào yên được. Cho nên người ta cãi vã, đánh đập nhau cũng chỉ vì cái đúng của tôi. Nhưng thật ra có tâm vô thường nào đúng đâu? Nó chỉ đúng với người này mà không đúng với

người khác. Hoặc đúng trong trường hợp này mà không đúng trong trường hợp khác.

Ví dụ tôi ngồi trên núi thấy hướng nam có một cụm mây đen, gió thổi bay qua một chút sau trời mưa. Hôm sau tôi cũng thấy như thế nên kêu mọi người chung quanh đem đồ vô, lát nữa trời sẽ mưa. Người nào không chịu đem đồ tôi giận, bực bội la "Tại sao không đem đồ để mưa ướt". Nhưng một lát gió thổi ngược hướng, mây bay tuốt, trời không mưa? Như vậy tôi la có đúng không?

Cái nghĩ của mình chẳng qua do kinh nghiệm quá khứ, mình đặt ra như vậy và tưởng là đúng. Nhưng quá khứ đâu có lặp lại, mọi sự luôn đổi thay, lấy việc quá khứ cho là hiện tại rồi kết luận đúng 100% là một sai lầm. Bởi làm mê cho cái nghĩ của mình là thật nên sanh ra tranh đấu, hơn thua, phải quấy với nhau.

Khi ta nghĩ thế này, người khác nghĩ thế khác, mỗi người chỉ nên nói đây là cái nghĩ của tôi. Nếu những suy nghĩ ấy giống nhau thì tốt, không giống nhau cũng không sao. Đừng nói cái nghĩ của tôi là đúng. Bởi vì hai cái nghĩ khác nhau đều đúng sẽ dẫn đến đấu tranh. Trong khi đó chuyện đúng sai không quyết định được, vì các pháp luôn thay đổi. Sống yên ổn vui vẻ hòa hợp là được. Đừng cho lý lẽ của mình là đúng, người khác sai rồi giận hờn trách cứ làm chi cho mệt.

Những suy nghĩ của chúng ta là vọng tưởng, không phải chân lý, làm sao cả quyết là đúng được? Nó sanh đó rồi diệt đó, không phải tâm mình thật, chỉ là bóng dáng sanh diệt thôi. Biết nó không thật thì việc tu dễ dàng. Đức Phật đã thấy được tận gốc ngọn của đau khổ. Từ chấp thân chấp tâm thật mà tạo ra không biết bao nghiệp khổ đau. Vì vậy Phật dạy trước phải phá chấp thân là thật. Thân này hiện có do duyên hợp tạm bợ, không phải thật. Tâm phân biệt duyên theo cảnh, duyên theo bóng dáng sáu trần cũng là tạm bợ không thật. Thân và tâm không chấp thật, nhất định sẽ tới chỗ an định tâm, trí tuệ sáng suốt chân thật hiện ra.

Phương pháp niệm Phật cũng để diệt tâm loạn tưởng. Phương pháp thiền định cũng để diệt tâm loạn tưởng. Kết quả chung của người tu đạo Phật là đi tới chỗ định, dừng tâm loạn tưởng. Tâm loạn tưởng dừng rồi thì trí tuệ chân thật mới hiện ra. Vì vậy chúng ta không phải tìm kiếm ở đâu xa, mà hãy quay lại thấu suốt nơi mình, tự nhiên sẽ nhận ra cái chân thật sẵn có. Cái chân thật đó đức Phật Thích-ca đã thực hiện được sau khi thiền định bốn mươi chín ngày đêm dưới cội Bồ-đề.

Những gì Ngài thấy biết, nói lại cho chúng ta nghe, muôn đời không sai chạy. Còn thấy biết thế gian chỉ có giá trị tạm thời trong một giai đoạn nào thôi. Tùy

theo nhu cầu sống thay đổi nó cũng thay đổi, chớ không nguyên vẹn. Cho nên lời Phật dạy là chân lý.

Có lần Phật hỏi các Tỷ-kheo:

- Mạng người sống trong bao lâu?

Có thầy thưa:

- Bạch Thế Tôn, mạng người sống trong ba tháng.

Phật lắc đầu nói:

- Ông chưa hiểu đạo.

Vị khác thưa:

- Bạch Thế Tôn, mạng người sống trong một tháng.

Phật cũng lắc đầu. Các thầy lần lượt đứng lên thưa bảy ngày, ba ngày, chỉ trong bữa ăn. Phật đều lắc đầu nói: "Ông cũng chưa thấy đạo". Cuối cùng một Tỷ-kheo thưa:

- Bạch Thế Tôn, mạng người sống trong hơi thở.

Phật nói:

- Đúng, ông mới thấy đạo.

Chúng ta thử nghiệm lại xem có người nào thở khi ra, không hít lại mà sống không? Thở khi ra không hít lại là chết. Đó là lẽ thật. Phật chỉ đúng lẽ thật cho chúng ta không lầm lẫn. Nhưng người thế gian lầm lẫn nhiều quá. Vì vậy nghe Phật dạy khó hiểu, không thâm nhập được.

Phật nói do thiên định có trí tuệ. Trí tuệ này khác với trí thức. Muốn có trí tuệ này phải thiên định, từ định sanh tuệ. Muốn định thì phải buông xả hết mọi suy nghĩ, mọi lo lắng, mọi tính toán. Còn học giả hay trí thức, tức là giải phân biệt. Trí phân biệt này do lợm lặt kiến thức của người này, người kia gom lại thành một số kiến thức của mình, gọi là trí thức. Nếu gom thật nhiều gọi là bác học. Thế nên lý thuyết của người khác chỉ đúng trong một thời đại, một giai đoạn. Qua thời đại khác, giai đoạn khác nó không còn đúng nữa. Như vậy suốt đời lao theo việc học, rất lại cũng không có cái gì là của mình, không có gì đúng mãi.

Ví dụ như Tổ tiên, ông bà chúng ta ngày xưa rất quý trọng Nho giáo. Những lý thuyết của đức Khổng Tử đều được tôn trọng và học hiểu. Nhưng tới thời này đem ra dùng không được. Những gì Khổng Tử nói ngày xưa chẳng những bây giờ không dùng, mà còn có thể bị phản đối nữa là khác. Như phái nữ hồi xưa dạy tam tòng tứ đức, tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử. Bây giờ ở Tây

phương họ không chịu như thế. Bất kỳ một học thuyết nào khi đã bị chống đối thì nó không phải là chân lý rồi. Vậy học cho thật nhiều thành nhà bác học, rốt cuộc cũng bỏ chơi thôi.

Còn trí tuệ Phật nói phát xuất từ tự tâm mình. Do tâm yên lặng trí phát sáng, thấy đúng như thật. Như khi tâm Phật định rồi sáng lên, Ngài chứng được Thiên nhãn minh, thấy vô số vi trùng trong bát nước, thấy vô số thế giới bên ngoài vũ trụ. Phật thấy thân này là một ổ vi trùng nên trong kinh chữ Hán có câu: "Nhân thân chi nội hữu vô số vi trùng tại trung vi trú". Hồi xưa có ai biết vi trùng là gì đâu, ngày nay mới biết thân này có bao nhiêu tỉ tế bào đang thay nhau hoạt động, để giữ cho thân được tồn tại trong một khoảng thời gian giới hạn nào đó.

Đức Phật đã thấy tường tận mọi thứ bằng trí tuệ của Ngài, chớ không học với ai hết. Ngồi yên định, tâm sáng tự phát ra thấy tội lỗi thật của muôn pháp. Trí tuệ này còn được gọi là Tự nhiên trí hay Vô sư trí, là trí không thầy hay trí có sẵn. Giới, Định, Tuệ trong nhà Phật là vậy. Hiểu rõ chỗ này chúng ta mới biết đường tu.

Tu niệm Phật hay tu thiền cốt đi tới định tâm. Nhất tâm là không còn niệm thứ hai, đó là định. Thiền định cũng không còn dấy niệm khác, đó là định. Trọng tâm của đạo Phật dạy không hai, nhưng phương tiện dùng có khác. Với người tin ở bên ngoài thì dạy niệm Phật. Với người tin nơi mình, trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật thì dạy tu thiền. Chỉ thẳng tâm người, cái gì giả biết giả đừng theo, nhận ra bản tâm liền được giác ngộ. Hai bên khác nhau ở trong và ngoài. Nhưng gặp nhau một chỗ là đều đi tới nhất tâm.

Phật nói Tịnh độ có hai phần: sự Tịnh độ và lý Tịnh độ. Sự Tịnh độ là tin có cõi Cực Lạc, có đức Phật A Di Đà sẽ đón mình. Lý Tịnh độ là tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh độ. Nghĩa là tâm tịnh thì cõi nước tịnh, Phật A Di Đà là tánh giác của chúng ta. Như trên đã nói A Di Đà là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là vô lượng thọ, vô lượng quang, nghĩa là sống lâu vô lượng, ánh sáng vô lượng. Phật nói tánh giác sẵn có của mình không sanh diệt nên tuổi thọ vô lượng. Tánh giác đó cũng là trí tuệ sáng ngời, thấy biết đúng như thật nên gọi là vô lượng quang.

Như vậy Tự tánh Di Đà, chỉ tâm thanh tịnh là tịnh độ. So với Thiên tông chỗ cứu kính không hai. Thiền định để dừng tâm lắng xả, trí tuệ phát sáng. Định tuệ song song, có an định mới có trí tuệ và ngược lại có trí tuệ thì luôn an định. Nói vậy nhiều vị cho rằng khó hiểu. Bây giờ tôi lấy ví dụ gần nhất, như khi chúng ta gặp việc rối, đầu óc nặng trĩu. Lúc đó mình nghĩ được gì không? Không nghĩ được gì hết. Khi tâm trí thanh thản nhẹ nhàng mình mới nghĩ được điều hay. Thế nên các nhà khoa học

phát minh được những điều mới từ sự chăm chú. Họ dồn hết tâm lực vào một vấn đề, chuyên ròng năm bảy năm vào việc ấy, hôm nào đó bỗng nhiên họ sáng tỏ. Thử hỏi lúc đó họ học với ai? Không học với ai hết, chỉ do chú tâm yên định vào một vấn đề nên phát sáng ra.

Trí vô sự ai cũng có hết, nhưng chúng ta không sử dụng được vì tâm loạn động. Muốn sử dụng nó phải lắng tâm loạn động ấy đi nó mới xuất hiện. Trí vô sự còn gọi là Phật tánh. Cho nên thiền định của Thiền tông là phải lắng tâm lắng xảng hư ảo không thật, đừng chạy theo nó nữa.

Các Thiền sư khéo diễn tả những giai đoạn tu bằng hình ảnh thằng chăn rượt bắt con trâu. Lúc đầu trâu còn hoang khó dạy, lôi đầu nó không được, buộc lòng phải có roi có dây dầm để lôi nó. Đó là chỉ cho người tu giai đoạn đầu, tâm quá lăng xăng cần có giới luật làm dây dầm để kèm chế. Nếu không có giới lấy gì kèm chế, cứ thả trôi riết thì không còn làm chủ được mình nữa. Vì vậy giới luật là sợi dây xoắn mũi, là cây roi chặn đón con trâu, không cho chạy càng vào lúa mạ người. Điều khiển con trâu từ hung hăng trở thành hiền hoà. Tới khi trâu đã thuần thực, thằng chăn nằm ngủ khò, không thèm coi chừng nó cũng yên. Nhưng còn trâu, còn chăn là chưa xong. Tới ngày nào con trâu mất, thằng chăn cũng không còn, chừng đó chỉ còn mặt trăng sáng.

Chúng ta tu cho tới chỗ không còn vọng niệm, cũng không còn chần vọng niệm mới là lúc hoàn toàn an định. An định rồi thì trí tuệ mới phát sáng. Trí tuệ phát sáng chúng ta mới làm lợi ích cho mọi người một cách tự tại. Vì vậy bức tranh số chín là hình ảnh một ông già quỳ cá chép, bầu rượu vô xóm. Đó là tự tại đi giáo hóa chúng sanh, không còn lo phiền gì nữa.

Như tôi chẳng hạn, ngày xưa đi giảng nhiều, ngày nào cũng phải soạn bài. Có khi soạn không kịp, khuya tôi ngồi thiền yên tịnh, tự hỏi mai giảng cái gì đây, bỗng nhiên trong trí hiện ra đề tài cho ngày mai giảng. Rõ ràng khi ta không nghĩ lăng xăng thì trí sáng, còn suy nghĩ hoài trí không sáng suốt nên không giải quyết được việc gì. Đó là những kinh nghiệm nhỏ thôi, nếu thiền định được hoàn toàn an định thì trí tuệ tuyệt vời biết mấy. Nhà Phật gọi từ chân tánh phát ra diệu dụng là vậy.

Trí đó là tuệ chứ không phải là thức. Tuệ là cái thấu suốt được chân lý muốn đời không thay đổi, còn thức do lợm lặt được ở người khác, nó sẽ đổi thay. Một bên thâm vô, một bên loại ra. Muốn có trí thức thì thâm vô, muốn được trí tuệ thì loại ra. Chúng ta ngồi thiền bỏ hết vọng tưởng thì trí tuệ sáng suốt phát sinh. Còn thế gian thu vô, học cho nhiều riết đầu óc tối mù, không sáng nổi. Như vậy

trí thức là do học bên ngoài mà được, còn trí tuệ do thiền định mà được.

Hiểu như vậy mới thấy được ý nghĩa của người tu Phật. Nhiều người tu mà không biết tu để làm gì, niệm Phật để làm chi. Cứ nghĩ niệm để có công đức vậy thôi, không biết rằng mục đích niệm Phật để đạt được kết quả định tâm, phát sanh trí tuệ. Nhờ câu niệm Phật chúng ta dập tắt hết những nghĩ suy loạn tưởng. Chúng lặng hết rồi thì trí tuệ sáng người. Trí tuệ sáng người mới giác ngộ, thành Phật.

Phật tử tu mà còn lăng xăng lộn xộn quá. Tu cũng ham nhưng nghe ông thầy nào coi số hay cũng muốn coi thử số mình tốt hay xấu. Hoặc sửa soạn cưới vợ gả chồng cho con cái, nhờ thầy xem tuổi. Đưa được tuổi nó không chịu, đưa không được tuổi nó chịu, rồi đâm ra phiền não đủ thứ hết. Đó là vì không biết đạo. Phật không dạy những điều như thế. Phật dạy chúng ta tu nếu biết làm lành, biết tạo duyên tốt thì sẽ hưởng quả tốt, chứ không phải tướng số làm cho chúng ta tốt.

Mỗi con người đều có tâm tư nguyện vọng khác nhau, cha mẹ không thể áp đặt con cái phải giống mình. Nó có quyền của nó. Nó thương người nào là duyên của nó, lấy con mắt của cha mẹ áp đặt cho con, có tàn nhẫn không? Tôi nói đó là áp đặt một cách độc tài. Tại sao mình muốn theo ý mình, mà bắt nó không được theo ý nó. Thế gian cứ sai lầm như vậy mà làm khổ nhau. Nhiều khi dẫn tới chuyện tự tử chết nữa, có phải ác độc không?

Hiểu đạo rồi, chúng ta có cái nhìn sâu hơn, thấy cuộc sống này giả tạm, theo duyên hợp tan nên có cuộc sống hết sức hòa hợp. Chúng ta sống hết sức bao dung, không bắt buộc ai hết. Vì biết cái nghĩ của mình chưa phải là chân lý, bắt buộc người ta theo làm chi. Chừng nào ta hoàn toàn an định rồi, được giác ngộ có trí tuệ mới thấy đúng, nói đúng lẽ thật.

Phật thường nói Như Lai chỉ là bậc đạo sư dẫn đường, đi hay không là tự chúng ta. Như đối với năm giới, Phật bảo: “Năm điều đó là tự cách của một con người. Nếu giữ đúng như vậy đời này là người tốt, đời sau trở lại làm người càng tốt hơn. Nếu giữ không đúng đời sau sẽ không được trọn vẹn”. Khi truyền giới quý thầy hỏi Phật tử giữ được không? Nếu giữ được quý vị thưa “con giữ được”. Nếu giữ chưa được thì làm thỉnh, Phật không bắt buộc. Vì tu là tu cho mình chứ không phải cho Phật. Chúng ta có cái khổ là bị bắt buộc mới làm, còn để tự do không chịu làm. Do đó mà không có tiến bộ.

Đạo Phật rất tôn trọng tự do, tôn trọng lẽ thật của con người. Trong kinh Phật nói, như người thế gian phạm tội thập ác, một Phật tử cũng phạm tội thập

ác, cả hai đều bị đọa địa ngục. Không phải vì Phật tử là đệ tử Phật mà được nhẹ tội. Song có cái khác là người thế gian phạm tội đọa địa ngục, khi hết tội họ cũng không biết làm lành. Còn Phật tử có tu, khi phạm tội đọa địa ngục, tới lúc hết tội ăn năn hối hận, biết làm lành nhờ thế có phước được sanh về chỗ lành.

Tóm lại đối chiếu giữa pháp tu Tịnh độ và pháp tu Thiền, chúng ta thấy có những điểm như sau. Người tu Tịnh độ lấy Tín, Hạnh, Nguyện làm căn bản. Tu thiết tha, chân thành, không định thời gian, không định số lượng, tới chỗ nhất tâm bất loạn sẽ đạt được kết quả như nguyện. Còn người tu Thiền phải được an tâm, tức được định. Từ định mới phát tuệ. Định là dứt hết các duyên, tuệ là tâm thường hằng sáng suốt. Hiểu như vậy thì mới thấy đức Phật dạy pháp nào cũng đều đi đến một mục tiêu, chớ không có khác. Nếu khác chẳng là phương tiện tùy căn cơ của chúng sanh thôi.

Hiểu vậy chúng ta học đạo, tu đạo mới không sai lầm, cũng không chống chọi ai hết. Gặp người tu thiền thì khuyên ráng tu cho được định. Gặp người tu niệm Phật thì khuyên ráng niệm Phật cho được nhất tâm. Như vậy đâu có gì trái với đạo. Hiểu cho sâu, thấy cho rõ khuyến khích nhau tu hành tới nơi tới chốn. Đó là Phật tử biết đạo, thấy đạo đúng như thật.

